TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 07 – 02 – 2023
"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thới**

2. Ông **Nguyễn Tùng Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Nương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Hoàng Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP N**

Địa chỉ: Số a, đường Tr, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quang D** – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Kim Kh**, sinh năm 1993

Địa chỉ nơi làm việc: Số C, đường H, Phường A, thành phố Vĩnh Long

(văn bản ủy quyền ngày 16/11/2022)

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số b, đường Tr, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 23/11/2022 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn và anh Nguyễn Minh T có thỏa thuận phát hành thẻ tín dụng quốc tế theo nhu cầu mở thẻ của anh T ngày 28/7/2016 với hạn mức 15.000.000đ, mục đích tiêu dùng. Trong quá trình sử dụng thẻ, anh T đã vi phạm thỏa thuận giữa

hai bên. Tính đến hết ngày 09/5/2022, anh T nợ nguyên đơn tổng số tiền là 30.894.094đ, trong đó nợ gốc 14.315.238đ, lãi 4.478.804đ, phí thường niên 200.000đ, phí vượt hạn mức tín dụng 1.450.237đ, phí phạt chậm thanh toán 10.449.815đ, yêu cầu anh T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền trên.

Theo biên bản hòa giải ngày 12/12/2022 và ngày 23/12/2022, bị đơn anh T trình bày: anh có thỏa thuận mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Vĩnh Long. Hiện tại anh vẫn còn nợ chưa thanh toán. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tính từ thời điểm nguyên đơn đơn phương cắt thẻ (ngừng cung cấp dịch vụ cho anh) ngày 20/11/2020 trở về sau thì các khoản phí phát sinh anh không đồng ý thanh toán vì anh không sử dụng dịch vụ từ nguyên đơn nên không có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Về nợ gốc, lãi, phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán và phí thường niên thì anh chỉ dồng ý thanh toán cho nguyên đơn tính từ ngày 20/11/2022 trở về trước.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ gốc 14.315.238đ, lãi 6.547.240đ, phí thường niên 300.000đ, phí vượt hạn mức 4.382.173đ, phí chậm thanh toán 21.781.108đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 08/02/2023 theo mức lãi suất của hợp đồng các bên đã kí cho đến khi anh T thanh toán xong nợ.

Bị đơn, anh T đồng ý trả nợ gốc 14.315.238đ, lãi 6.547.240đ, phí thường niên 200.000đ, đối với phí vượt hạn mức và phí chậm thanh toán đồng ý trả từ ngày 20/11/2020 trở về trước, còn lại anh không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147,227 BLTTDS 2015; Điều 463,466 BLDS năm 2015; Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều 8,12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP N số tiền vay vốn, lãi, phí thường niên, phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán tổng cộng 47.325.759đ, lãi tính tiếp từ ngày 08/02/2023 theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ. Án phí sơ thẩm đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản, các bên thỏa thuận nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26,35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

[2] Về điều luật áp dụng: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 25/9/2015 , nguyên đơn là tổ chức tín dụng do đó áp dụng các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, BLDS năm 2005 và các văn bản có liên quan để giải quyết.

[3] Về nội dung: anh T có vay vốn của Ngân hàng TMCP N được chứng minh bằng hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/7/2016, thực hiện hợp đồng thì anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng. Tại phiên tòa, anh T đồng ý trả tiền vốn 14.315.238đ nên công nhận thỏa thuận giữa các đương sự cũng là phù hợp theo quy định tại Điều 474,478 BLDS 2005.

[4] Về lãi suất, phí: Ngân hàng là tổ chức tín dụng nên phần lãi suất, phí do các bên tự thỏa thuận và phù hợp Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Anh T đồng ý trả lãi 6.547.240đ, phí thường niên 200.000đ và các lại phí tính đến ngày 20/11/2020, không đồng ý các loại phí từ ngày 20/11/2020 trờ về sau vì cho rằng nguyên đơn không cung cấp dịch vụ cho anh. Tuy nhiên, anh T là người vi phạm hợp đồng, không thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn đã đơn phương chặn thẻ không cho anh T tiếp tục sử dụng thẻ, nguyên đơn yêu cầu anh T có nghĩa vụ phải chịu các khoản phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán và phí thường niên là có cơ sở phù hợp theo thỏa thuận của hợp đồng mà các bên đã kí kết, đồng thời thỏa thuận này không trái quy định pháp luật. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn phí chậm thanh toán được tính là 3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán mỗi tháng, do việc anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán để kéo dài nên phải chịu trả các khoản phí này. Buộc anh T phải trả nguyên đơn phí thường niên 300.000đ, phí vượt hạn mức 4.382.173đ, phí chậm thanh toán 21.781.108đ và lãi, cùng các loại phí phát sinh tính từ ngày 08/02/2020 đến khi thanh toán xong nợ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền bị buộc trả (47.325.759đ) làm tròn là 2.366.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 474,476,478 BLDS 2005; Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 8,12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP N số tiền vay còn nợ vốn gốc 14.315.238đ, lãi 6.547.240đ, phí thường niên 300.000đ, phí vượt hạn mức 4.382.173đ, phí chậm thanh toán 21.781.108đ, tổng cộng 47.325.759đ (*bốn mươi bảy triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng*).

Lãi suất và các loại phí phát sinh được tính tiếp từ ngày 08/02/2023 theo mức lãi suất các bên đã thuận theo hợp đồng tín dụng ngày 28/7/2016 đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.366.000đ (*hai triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*).

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 772.000đ (*bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo lai thu số 0001610 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THSDS TP Vĩnh Long: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

CÙ QUÝ NỮ